TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 568/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
Về việc: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng;

2. Ông Phạm Hồng Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Tuyết Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 179/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 629/47 Cách Mạng Tháng 8, Phường I, Quận C, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Lại Thị L – Luật sư

Văn phòng luật sư TL và cộng sự.

Bị đơn: Ông Đàm Quang Th, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 629/47 Cách Mạng Tháng 8, Phường I, Quận C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2022, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà T và ông Th tự nguyện chung sống từ năm 1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I, Quận C, Thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 151/98 ngày 24/10/1998.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống được một thời gian khá hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Th không quan tâm đến gia đình, thường xuyên gây gỗ nhau. Mâu thuẫn bắt đầu trầm trọng hơn khi ông Th thường xuyên kiếm chuyện và to tiếng với Bà T. Bản thân Bà T nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Do vợ chồng không còn tình cảm nên Bà T đã sống ly thân. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích nôn nhân không đạt được nên Bà T xin được ly hôn với ông Th.

Về con chung: có 02 con chung tên Đàm Thị Thanh T, sinh ngày 10/3/2001 và Đàm Quang Long T sinh ngày 18/11/2007. Bà T xin được nuôi con và cấp dưỡng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà T và ông Th chung sống hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường 15 Quận 10 cấp. Quá trình chung sống ông Th không có trách nhiệm với gia đình. Sau khi đi cải tạo về ông Th lại phát sinh tình cảm với người khác, bỏ mặc vợ con. Nhiều lần còn đe dọa hành hung Bà T. Tuy nhiên, những mâu thuẫn này chỉ có vợ chồng Bà T biết nên cũng không có chính quyền địa phương xác nhận hay tài liệu nào cung cấp cho tòa. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà T. Về con chung xin giao trẻ Đàm Quang Long T cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Về tài sản chung tự thỏa thuận. Nợ chung không có.

Bị đơn ông Đàm Quang Th vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, có nộp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn không đến tòa tham gia xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng tài liệu chứng cứ có cơ sở xác định mâu thuẫn các bên đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung giao con cho Bà T nuôi và cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 151/98 ngày 24/10/1998 do Ủy ban nhân dân Phường I, Quận C, Thành phố H cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đàm Quang Th và bà Nguyễn Thị Kim T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Bà T yêu cầu ly hôn là tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. .

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Th hiện đang cư trú tại địa chỉ 629/47 Cách Mạng Tháng 8, Phường 15, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn ông Đàm Quang Th đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do vậy Tòa căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, Bà T trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân. Nguyên nhân là do ông Th không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên to tiếng dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng rất nặng nề. Bản thân Bà T đã được gia đình động viên hàn gắn nên cứ kéo dài tình trạng tiếp tục đời sống vợ chồng. Đến nay, ông Th vẫn không thay đổi mà đời sống chung ngày càng trầm trọng nên Bà T vẫn giữ nguyên mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án ông Th không tham gia hòa giải cho thấy bản thân ông Th cũng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay Bà T xin ly hôn ông Th là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Xét yêu cầu của Bà T xin được nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào tờ trình bày nguyện vọng của trẻ Long Thiên mong muốn được ở với mẹ cũng như hiện tại trẻ đang được Bà T chăm sóc, giáo dục. Do đó, việc giao trẻ Đàm Quang Long T cho Bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quyền lợi và nguyện vọng của trẻ nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên Tòa không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4.4] Về nợ chung: Bà T khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Đàm Quang Th.

Về con chung: Giao trẻ Đàm Quang Long T sinh ngày 18/11/2007cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đàm Quang Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng viêc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Kim T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0018685 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND Phường 15, Quận 10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Nhàn